

Kế hoạch Hợp tác - thử nghiệm bình định của Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1964-1965)

Vũ Thị Miên*

Nhận ngày 23 tháng 10 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 3 năm 2026.

Tóm tắt: Giữa năm 1964, trước tình trạng trì trệ của hoạt động bình định cùng bất ổn chính trị nội bộ của chính quyền Sài Gòn, Phái bộ Mỹ triển khai Kế hoạch Hợp tác. Mục tiêu, nội dung của Kế hoạch Hợp tác thể hiện quan điểm, cách thức tiếp cận chương trình bình định của chính quyền Mỹ dưới quyền điều hành của Tổng thống Lyndon B. Johnson. Những hạn chế về chủ trương, quan điểm, khả năng phối hợp giữa Mỹ và chính quyền Sài Gòn, kết hợp với phong trào đấu tranh chống, phá bình định của quân và dân miền Nam Việt Nam, đã làm Kế hoạch Hợp tác bị thất bại. Bài viết tập trung làm rõ sự ra đời, tổ chức và thực hiện Kế hoạch Hợp tác; rút ra nhận xét, lý giải nguyên nhân thất bại của Mỹ và chính quyền Sài Gòn ngay trong lần thử nghiệm bình định đầu tiên.

Từ khóa: Bộ Chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ tại Việt Nam, chính quyền và quân đội Sài Gòn, Chương trình bình định miền Nam Việt Nam, Kế hoạch Hợp tác.

Phân loại ngành: Sử học

Abstract: In mid-1964, in response to the stagnation of pacification efforts and the internal political instability within the Saigon government, the U.S. Mission launched the *Hợp tác* (Cooperation) Plan. The objectives and content of this plan reflected the perspectives and approaches adopted by the U.S. government under the administration of President Lyndon B. Johnson toward the pacification program. Limitations in policy orientation, strategic perspective, and coordination between the U.S. and the Saigon government, combined with the anti-pacification movement, led to the failure of the *Hợp tác* Plan. This article focuses on clarifying the origin, organization, and implementation of the *Hợp tác* Plan, and offering conclusions and explanations for the causes of the failure of the U.S. and the Saigon government in their first attempt at pacification experimentation.

Keywords: U.S. Military Assistance Command, Vietnam (MACV), Saigon government and military, pacification program in South Vietnam, *Hợp tác* Plan.

Subject classification: History

1. Mở đầu

Kế thừa và phát triển cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, Tổng thống Lyndon B. Johnson (11/1963-01/1969) chỉ đạo Phái bộ Mỹ ở Sài Gòn (US Mission in Saigon) hiện thực hóa học thuyết chống nổi dậy bằng các kế hoạch/dự án bình định, trong đó có Kế hoạch Hợp tác/Chiến dịch Hợp tác (Hợp Tác plan/ Hợp Tác operation). Mục tiêu của Kế hoạch nhằm bảo đảm an toàn cho chính quyền Sài Gòn, trung tâm điều hành chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam; đồng thời, thử nghiệm lý thuyết bình định trên một địa bàn cụ thể. Nội dung “Hợp tác” thể hiện thái độ, quyết tâm tiếp cận chương trình bình định miền Nam Việt Nam của Phái bộ Mỹ, như Đại tướng William C. Westmoreland, Tư lệnh MACV¹, tuyên bố: “Nếu chúng ta không bình định được khu vực xung quanh Sài Gòn, thì không hy vọng có thể tiến đến những vùng khác ở miền Nam Việt Nam” (William C. Westmoreland, 1976: 85).

* Viện Chiến lược và Lịch sử quốc phòng Việt Nam.

Email: mienvu0108@gmail.com

¹ Ngày 20 tháng 6 năm 1964, Đại tướng William C. Westmoreland thay thế Paul Hankins làm Tư lệnh MACV.

Thông tin về Kế hoạch Hợp tác có thể được tìm thấy trong một số công trình nghiên cứu bằng tiếng Anh, như: Chester L. Cooper, 1972; Tran Dinh Tho, 1980; Richard A. Hunt, 1995; Thomas L. Ahern, Jr., 2001; Graham A. Cosmas, 2006; Office of Joint History - Office of the Chairman of the Joint Chiefs of Staff, 2012;... trình bày những nét chính về bối cảnh, nội dung, phương pháp tiến hành kế hoạch; đánh giá hiệu quả, nguyên nhân thất bại gắn với vai trò của MACV. Các nghiên cứu bằng tiếng Việt: Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự, 1991; 2015;... đề cập đến Kế hoạch Hợp tác khi khái quát về âm mưu, thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong những năm 1964-1965. Đến nay, vẫn còn thiếu vắng những nghiên cứu trường hợp về Kế hoạch Hợp tác.

Trên cơ sở tiếp thu các kết quả nghiên cứu, bài viết xem xét Kế hoạch Hợp tác là một trong những can dự trực tiếp của chính quyền Mỹ vào chương trình bình định miền Nam Việt Nam; tập trung phản ánh quy mô tổ chức, mối quan hệ giữa Phái bộ Mỹ và chính quyền, quân đội Sài Gòn; đánh giá kết quả, nguyên nhân thất bại của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung nhận thức về âm mưu, thủ đoạn, biện pháp của chính quyền Mỹ trong thời điểm chuyển chiến lược từ hỗ trợ cố vấn sang can thiệp trực tiếp bằng lực lượng chiến đấu vào miền Nam Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nhằm đảm bảo tính liên tục về thời gian cũng như chỉ rõ điều kiện hình thành cùng đặc điểm của Kế hoạch Hợp tác - thử nghiệm bình định đầu tiên của chính quyền Mỹ dưới thời Tổng thống Lyndon B. Johnson, bài viết sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp logic, kết hợp phương pháp phân tích, tổng hợp, khai thác tư liệu, so sánh,...

Phương pháp lịch sử là phương pháp chính được sử dụng để phục dựng quá trình xây dựng, tổ chức và thực hiện Kế hoạch Hợp tác. Đồng thời, phương pháp logic xem xét những nhân tố dẫn đến sự nảy sinh, bản chất của thử nghiệm mối quan hệ của bình định với các phương diện khác trong chiến lược cũng như mối quan hệ Mỹ và chính quyền, quân đội Sài Gòn. Bên cạnh đó, đối chiếu Kế hoạch Hợp tác với Quốc sách áp Chiến lược (trước tháng 11/1963) và chương trình bình định của chính quyền, quân đội Sài Gòn (Kế hoạch Chiến thắng) không chỉ làm rõ hơn nhận thức về biến chuyển trong hoạt động bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn mà phần nào còn làm phong phú hiểu biết về chương trình bình định miền Nam Việt Nam dưới thời Tổng thống Lyndon B. Johnson.

Phương pháp tập hợp và phân tích tư liệu đóng vai trò quan trọng trong quá trình nghiên cứu. Bài viết được kế thừa và xây dựng từ nguồn nhiều tư liệu, trong đó khai thác và sử dụng triệt để các nguồn tư liệu, đặc biệt tài liệu lưu trữ và tài liệu bằng tiếng Anh nhằm tiếp cận thực tế khách quan kế hoạch bình định của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Phương pháp so sánh là phương pháp hỗ trợ cần thiết nhằm làm nổi bật đặc điểm riêng biệt của Kế hoạch Hợp tác,... trong đó nguyên lý “vết dầu loang” (oil spot) được Mỹ và chính quyền Sài Gòn áp dụng triệt để khi xây dựng, triển khai kế hoạch.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Sự ra đời của Kế hoạch Hợp tác

Cuối năm 1963, thất bại về chính trị, quân sự đã đẩy chính quyền Sài Gòn cùng “Quốc sách” Ấp Chiến lược nhanh chóng sụp đổ. Để giải quyết hậu quả, Tổng thống Lyndon B. Johnson chỉ đạo Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, tập trung điều khiển chính quyền, quân đội Sài Gòn ổn định nội bộ cũng như tuân thủ chặt chẽ các kế hoạch chiến tranh. Thực hiện nhiệm vụ, cả Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao Mỹ đều thống nhất đề xuất tăng cường bình định dựa trên khái niệm cơ bản về tổ chức và hoạt động của “quốc sách” áp Chiến lược, trong đó đặc biệt chú ý các tỉnh then chốt xung quanh Sài Gòn và Đồng bằng sông Cửu Long (John P. Glennon, 1991: 733).

Dưới sự hướng dẫn tích cực của Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn, đầu năm 1964, Bộ Tổng Tư lệnh quân đội Sài Gòn xây dựng, triển khai Kế hoạch Chiến Thắng nhằm “ngăn chặn tình trạng an ninh đang xấu đi ở nông thôn cũng như ngăn chặn sự suy giảm nghiêm trọng quyền kiểm soát

của chính quyền [Sài Gòn - TG] đối với dân chúng kể từ sau cuộc đảo chính ngày 01 tháng 11 năm 1963” (Paul Supplizio, 1966: 175). Mục tiêu cuối cùng của Kế hoạch Chiến thắng nhằm giành quyền kiểm soát trên toàn bộ lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Trong khi chính quyền Sài Gòn đang ráo riết hoàn thiện, triển khai Kế hoạch Chiến thắng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam liên tiếp tổ chức các đợt đấu tranh chống, phá bình định, uy hiếp hoạt động bành trướng của Mỹ và chính quyền, quân đội Sài Gòn.

Trước tình hình đó, Henry Cabot Lodge Jr., Đại sứ Mỹ tại Sài Gòn và Đại tướng William C. Westmoreland, Tư lệnh MACV, đề xuất dồn nỗ lực của Mỹ và chính quyền Sài Gòn vào địa bàn các tỉnh trọng yếu xung quanh Sài Gòn nhằm khuyến khích chính quyền, quân đội Sài Gòn kiên trì thực hiện Kế hoạch Chiến thắng; chuẩn bị những điều kiện cần thiết để xúc tiến triển khai lực lượng chiến đấu Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Mục đích là “tạo ra “các vành đai thép”, từ Sài Gòn kéo dài đến biển Đông và biên giới Việt Nam - Campuchia” (The Senator Gravel Edition, 1971: 522). Ý tưởng của Đại sứ quán và MACV nhanh chóng được Bộ Quốc phòng và Bộ Ngoại giao Mỹ chấp thuận thông qua: “Nếu tuân thủ chặt chẽ kế hoạch, trong vòng 9 đến 12 tháng, có thể xoay chuyển tình hình ở miền Nam theo hướng có lợi cho chính quyền Sài Gòn” (Office of Joint History, 2012: 77).

Tháng 9 năm 1964, Kế hoạch Hợp tác, hay còn gọi là Kế hoạch Hợp Tác I hoặc Kế hoạch Tăng cường bình định khu vực thủ đô (Pacification Intensification Capital Area - PICA) được hoàn chỉnh, bổ sung. Địa bàn của Kế hoạch Hợp tác gồm các tỉnh: Gia Định, Bình Dương, Hậu Nghĩa, Long An, Biên Hòa, Phước Tuy. Từ trung tâm Sài Gòn, 4 vành đai bình định đặt theo ký tự A, B, C, D được xây dựng và mở rộng theo theo nguyên tắc “vết dầu loang” (The Senator Gravel Edition, 1971: 522):

Khu A tương đương với Gia Định: Phát triển, củng cố sự ủng hộ của dân chúng đối với chính quyền, quân đội Sài Gòn trong khu vực đã được bình định, phổ trương ưu thế của chủ nghĩa tư bản Mỹ bằng cách nâng cao đời sống xã hội và kinh tế của dân chúng;

Khu B: Bình định, tìm kiếm và loại bỏ cơ sở mật của lực lượng cách mạng, chuẩn bị đối phó với các hoạt động của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam;

Khu C: Tảo thanh, loại trừ lực lượng chủ lực Quân Giải phóng trong một khu vực nhất định;

Khu D: Tìm và diệt, hành quân thường xuyên để tìm và diệt lực lượng chủ lực Quân Giải phóng (Ủy ban đặc trách Kế hoạch Hợp tác I, 1965: 7).

Kế hoạch Hợp tác được chia thành 3 giai đoạn: tảo thanh, bình định và phát triển, tương ứng với mỗi giai đoạn là 4 tháng. Tuy nhiên, tùy thuộc vào khả năng của chính quyền, quân đội Sài Gòn, thời hạn cho mỗi giai đoạn có thể được nói lỏng. Kế hoạch được ấn định khởi động vào ngày 1 tháng 10 năm 1964. Mục tiêu của giai đoạn 1, MACV dự trù tiến hành các hoạt động tảo thanh ở Khu B và bảo đảm an ninh trong Khu A, đồng thời “tìm và diệt” ở Khu C và D. Giai đoạn này dự kiến kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 1965.

Theo thống kê của MACV vào ngày 01 tháng 10 năm 1964: chính quyền Sài Gòn đã kiểm soát được 38% diện tích lãnh thổ và 75% dân số; Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam kiểm 37% diện tích lãnh thổ và 25% dân số; 25% còn lại đang trong tình trạng tranh chấp (Military History Branch, 1966: 232). Trên cơ sở mục tiêu quốc gia, chính quyền các địa phương xây dựng kế hoạch bình định riêng với cách thức và nguồn lực khác nhau. Việc phân chia các khu vực A, B, C, D phụ thuộc vào đặc điểm từng tỉnh. Mặc dù, các tỉnh có khu vực ưu tiên và chỉ tiêu cụ thể ở từng giai đoạn, nhưng mọi nỗ lực bình định đều nhằm tìm kiếm, tiêu diệt tổ chức chính quyền cơ sở của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và giành sự ủng hộ của dân chúng trên địa bàn từng tỉnh.

3.2. Tổ chức thực hiện và kết quả của Kế hoạch Hợp tác

Để đạt được mục đích, yêu cầu đề ra, MACV đề nghị Bộ Quốc phòng làm việc với Bộ Ngoại giao và cơ quan độc lập của Mỹ tại Việt Nam, tham gia xây dựng kế hoạch, tăng cường nỗ lực

quân sự - dân sự. Đặc biệt, MACV nhấn mạnh đến sự hình thành chuỗi quản lý thống nhất thống nhất từ Sài Gòn đến các địa phương nhằm tránh tình trạng chồng chéo và phân quyền; đồng thời tổ chức lực lượng cố vấn hợp lý ở các cấp. Theo dự kiến, tại mỗi tỉnh trọng điểm quanh Sài Gòn, Phái bộ Mỹ sẽ bố trí ít nhất 45 cố vấn, trong đó có 40 cố vấn quân đội và 5 cố vấn dân sự (Office of Joint History, 2012: 77); đồng thời, MACV thí điểm tổ chức cố vấn cấp quận/huyện ở 13 quận xung quanh Sài Gòn.

Giúp việc cho chính quyền Mỹ, MACV thành lập Ban Thư ký Hợp tác, do Đại tá Jasper Wilson đứng đầu; đồng thời, đề nghị quân đội Sài Gòn thành lập cơ quan phối hợp. Ngày 20 tháng 10 năm 1964, Bộ Tổng tư lệnh quân đội Sài Gòn thành lập Ủy ban Đặc trách Kế hoạch Hợp tác, do Trung tướng Trần Ngọc Tám, Tư lệnh Địa Phương quân làm Chủ tịch. Giúp việc cho Chủ tịch có Phụ tá dân sự do Bộ Nội vụ biệt phái và Phụ tá đặc trách cảnh sát quốc gia do Giám đốc cảnh sát quốc gia biệt phái. Ủy ban Đặc trách giúp Tổng Tư lệnh Quân lực Sài Gòn, hướng dẫn, phối hợp và đôn đốc Bộ Tư lệnh Vùng III chiến thuật và Bộ Tư lệnh Hải quân thực hiện công tác bình định. Chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban, gồm: chỉ đạo chung về xây dựng kế hoạch phối hợp trong từng giai đoạn; duyệt, xét kế hoạch của các Bộ Chỉ huy trực thuộc; phối hợp với lực lượng dân sự; theo dõi tiến triển công tác bình định (Bộ Tổng Tư lệnh Quân lực Việt Nam cộng hòa: 72). Trụ sở Ủy ban đặt tại Trại Lê Văn Duyệt.

Tùy theo từng khu vực, MACV bố trí lực lượng quân đội Sài Gòn cho phù hợp. Đối với khu vực A, lực lượng cảnh sát quốc gia sẽ chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động an ninh, ngoại trừ các nhiệm vụ quân sự đặc biệt do quân đội Sài Gòn thực hiện. Trong khu B, lực lượng địa phương quân và nghĩa quân phụ trách hoạt động bình định. Tại khu C và khu D, lực lượng chủ lực quân đội Sài Gòn tiến hành tảo thanh và tìm diệt; kiểm soát các tuyến giao thông trọng yếu vào khu B. Để đạt được kết quả, MACV yêu cầu chính quyền, quân đội Sài Gòn: (1) Phối hợp toàn diện giữa các lực lượng dân sự - quân sự - cảnh sát; (2) Chính quyền trung ương hỗ trợ kịp thời các địa phương; (3) Hoạt động tảo thanh phải được bảo đảm; (4) Kế hoạch phải gắn liền với phát triển an ninh lâu dài; (5) Chính quyền địa phương Sài Gòn chủ động trong mọi tình huống (Military History Branch, 1966: 234). Trước tình hình Vùng III chiến thuật không đủ lực lượng để thực hiện Kế hoạch Hợp tác, MACV chỉ đạo Bộ Tổng Tư lệnh quân đội Sài Gòn điều chuyển Sư đoàn 25 bộ binh từ Quân đoàn II chuyển về Quân đoàn III; phân chia địa bàn đóng quân: Trung đoàn 52 chịu trách nhiệm chiến đấu ở Gia Định và Biên Hòa; Trung đoàn 46 và Trung đoàn 50 thuộc Sư đoàn 25 bộ binh chịu trách nhiệm bình định ở Long An; Trung đoàn 43 và Trung đoàn 49 đóng quân ở Hậu Nghĩa; Trung đoàn 9, Sư đoàn 25 bộ binh thực hiện nhiệm vụ ở Tây Ninh; Trung đoàn 7 và Trung đoàn 8 thuộc Sư đoàn 9 bộ binh đảm trách nhiệm vụ tại Bình Dương, Trung đoàn 48 đồn trú ở Phước Thành,... Ngoài ra còn có một số đơn vị biệt động quân, địa phương quân, biệt kích,... Tổng cộng có 27 tiểu đoàn quân đội Sài Gòn tham gia vào Kế hoạch Hợp tác (Richard A. Hunt, 1995: 27). Đến cuối năm 1964, 78% các tiểu đoàn bộ binh của quân đội Sài Gòn ở Vùng 3 Chiến thuật, đã tham gia vào các hoạt động bình định (Graham A. Cosmas, 2006: 192). Sự sắp xếp này thể hiện nỗ lực bình định thiết lập các vành đai để bảo vệ trung tâm điều hành chiến tranh của Mỹ và chính quyền, quân đội Sài Gòn.

Thủ đoạn quân sự vẫn là sử dụng lực lượng chính quy quân đội Sài Gòn chiếm đóng, càn quét lần lượt từng ấp/xã. Sau khi hoàn thành tảo thanh, lực lượng chính quy sẽ giao lại địa bàn cho lực lượng địa phương quân để giữ gìn an ninh lãnh thổ; tổ chức, huấn luyện cho lực lượng nghĩa quân. Hệ thống canh phòng, đồn bốt được bố trí lại tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể của từng địa bàn. Đồng thời với hoạt động tảo thanh, quân đội Sài Gòn còn tổ chức các cuộc hành quân ở các địa phương lân cận để khuyếch trương ưu thế, hỗ trợ bình định. Kết hợp chặt chẽ với các cuộc hành quân, chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh đồn dân, lập ấp. Tính riêng kinh phí bảo đảm cho chương trình lập ấp của Kế hoạch Hợp tác là 41.798.800 đồng tiền Sài Gòn (Ban Thường vụ Ủy ban bình định trung ương: 62). Vị trí các ấp được lựa chọn phải thuận lợi cho việc duy trì kiểm soát và tổ chức các hoạt động quân sự.

Cùng với sắp xếp tổ chức lực lượng quân sự, chính quyền trung ương Sài Gòn cũng đặc biệt chú ý phân quyền cho cấp hành chính trung gian - Tỉnh/huyện trong tổ chức bình định. Theo đó, tỉnh trưởng có toàn quyền tổ chức các hoạt động quân sự - dân sự, bao gồm quyền chỉ huy một khu vực quân sự tương đương với địa giới hành chính tỉnh. Tương tự ở cấp quận/huyện, huyện trưởng/quận trưởng cũng nhận được quyền lực tương ứng.

Thực hiện Kế hoạch Hợp tác, ngày 12 tháng 9 năm 1964, Trung đoàn 52 tổ chức một cuộc hành quân càn quét ở khu vực phía tây và tây nam Sài Gòn. Tại Long An, cuối tháng 9, đầu tháng 10, Trung đoàn 50 tổ chức nhiều cuộc hành quân ở tây bắc Bến Lức; Trung đoàn 46 tổ chức các cuộc hành quân bảo đảm an ninh cho lộ 5 (Saigon - Gocong Highway), khu vực Cần Giuộc, Cần Đức, Tân Trụ,... Trên địa bàn Hậu Nghĩa, Trung đoàn 43 và Trung đoàn 49 thuộc Sư đoàn 25 bộ binh liên tục tổ chức các cuộc hành quân xung quanh tỉnh lỵ Bà Rịa, khu vực đông dân cư ở Cù Chi, Đức Hòa, Đức Huệ, Trảng Bàng,... Ở Bình Dương, lực lượng Sư đoàn 9 bộ binh quân đội Sài Gòn tập trung đánh phá, bình định Lái Thiêu, Bến Cát,... Tại Phước Thành, Trung đoàn 48 bộ binh tăng cường đánh phá, lần chiếm Chiến khu D, lừa nhân dân vào các khu tập trung,...

Thực tế, sự giúp đỡ “tận tình” của chính quyền Mỹ không đủ sức ngăn chặn, chấm dứt tình trạng mất ổn định nội bộ của chính quyền Sài Gòn. Ngày 27 tháng 01 năm 1965, Hội đồng quân lực quyết định chấm dứt quyền hành của Thủ tướng Trần Văn Hương và được thay thế bằng chính phủ mới do Phan Huy Quát đứng đầu (16/02/1965). Ngày 21 tháng 02 năm 1965, Hội đồng quân lực cử Trung tướng Trần Văn Minh, Tham mưu trưởng liên quân, làm Tổng tư lệnh quân lực quân đội Sài Gòn. Tình trạng lộn xộn kéo dài đã gây hậu quả nghiêm trọng cho chiến lược của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, trong đó có chương trình bình định quốc gia và Kế hoạch Hợp tác.

Đề tình hình chính trị của chính quyền Sài Gòn không ảnh hưởng đến chiến lược, Phái bộ Mỹ quyết định áp đặt mô hình Hợp tác trên cả 4 vùng chiến thuật. Trong những tháng đầu năm 1965, Phái bộ Mỹ ban hành Hướng dẫn chung cho một số khu vực ưu tiên ở các vùng chiến thuật 1, 2 và 4; thống nhất quan điểm với quân đội Sài Gòn về vai trò của lực lượng chính quy Sài Gòn trong chương trình bình định, vị trí của các tỉnh trưởng, vai trò của Bộ Nội vụ trong hệ thống chỉ đạo bình định của chính quyền Sài Gòn,... Ngày 27 tháng 02 năm 1965, MACV yêu cầu Cố vấn cấp cao Mỹ ở Quân đoàn IV xem xét đưa quan niệm của Kế hoạch Hợp tác vào nội dung thảo luận với các đối tác đồng cấp chính quyền Sài Gòn để rút kinh nghiệm cho các Quân đoàn khác.

Dưới áp lực của Mỹ, chính quyền, quân đội Sài Gòn cũng áp dụng mô hình Hợp tác trên 3 vùng chiến thuật còn lại, song, mức độ triển khai không đáp ứng kỳ vọng của MACV. Trọng điểm bình định vẫn được Ủy ban bình định trung ương chính quyền Sài Gòn xác định, gồm các tỉnh thuộc địa bàn của Kế hoạch Hợp tác và bổ sung thêm một số tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long (Ủy ban bình định trung ương: 36). Tháng 5 năm 1965, Thủ tướng chính quyền Sài Gòn, Phan Huy Quát phản nản sự không hài lòng với Đại sứ Maxwell Taylor về Kế hoạch Hợp tác; dự định đưa khu vực A của Kế hoạch Hợp tác thuộc phạm vi trách nhiệm của Biệt khu thủ đô (Capital Military Region - CMR), các khu vực còn lại đặt dưới quyền Tư lệnh Vùng 3 Chiến thuật nhằm tạo sự thống nhất với các vùng chiến thuật còn lại.

Trước tình hình đó, MACV đề xuất Phái bộ Mỹ duy trì nguyên trạng khu vực Hợp tác I, với lý do các khu vực A, B, C, D đều thuộc phạm vi của Vùng III chiến thuật; đồng thời, giữ nguyên cơ cấu Ủy ban đặc trách Kế hoạch Hợp tác I, bổ sung 1 trợ lý quân sự đặc biệt đại diện cho Tư lệnh Vùng III chiến thuật để bám nắm hoạt động. Đại tướng William C. Westmoreland, Tư lệnh MACV nhấn mạnh: “Bất kể tổn thất có thể diễn ra ở các vùng khác, nhưng hoạt động Hợp tác I vẫn sẽ được diễn ra như kế hoạch ban đầu” (Military History Branch, 1966: 234). Dưới sự chỉ đạo của MACV, cuối tháng 5 năm 1965, cơ cấu của Ủy ban đặc trách Kế hoạch Hợp tác, gồm 5 thành viên: 1 phụ tá quân sự, 1 phụ tá dân sự, 1 phụ tá Cảnh sát, 1 tổng thư ký, do đại diện Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn làm Chủ tịch.

Mặc dù phải tuân theo sự sắp xếp của Phái bộ Mỹ, song, chính quyền, quân đội Sài Gòn vẫn công khai đả kích hiệu quả của Kế hoạch Hợp tác, dẫn đến không thực hiện đầy đủ hướng dẫn của Kế hoạch. Đến giữa tháng 6 năm 1965, tỷ lệ kiểm soát dân số của chính quyền Sài Gòn giảm 6,2% (Military History Branch, 1966: 235), kèm theo một số khu vực đã được Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam giải phóng, trong đó có địa bàn phía bắc và phía đông Sài Gòn. Trước sự chống đối đó, Phái bộ Mỹ quyết định ủng hộ liên minh Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ nắm quyền điều hành chính quyền Sài Gòn đánh dấu sự “trở về phe tay quân nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho Hoa Kỳ thực hiện việc leo thang chiến tranh tại Việt Nam” (Lâm Vĩnh Thế, 2010: 125).

Đáp lại sự ủng hộ của chính quyền Mỹ, ngay sau khi sắp xếp lại hệ thống lãnh đạo chính quyền, quân đội Sài Gòn, Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ tăng cường thực hiện chương trình bình định, trọng tâm đẩy mạnh Kế hoạch Hợp tác tại Vùng III chiến thuật. Mục tiêu là kiểm soát hoàn toàn địa bàn các tỉnh Long An, Hậu Nghĩa, Bình Dương và Biên Hòa; đồng thời tái lập và duy trì quyền kiểm soát đối với các tuyến giao thông quan trọng như Quốc lộ 13, 15, 19. Thủ đoạn của Mỹ và chính quyền, quân đội Sài Gòn là tổ chức nhiều cuộc hành quân có quy mô, trong đó có nhiều cuộc cấp trung đoàn. Theo thống kê của chính quyền Sài Gòn, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã độc lập tổ chức 1.043 cuộc hành quân (Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam cộng hòa: 14). Hỗ trợ các cuộc hành quân, Mỹ sử dụng một khối lượng lớn vũ khí, bom đạn, trong đó có vũ khí hỏa lực B.52 bắn phá quyết liệt các khu vực thuộc chủ quyền của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Gắn liền với hoạt động can quét, Mỹ và chính quyền Sài Gòn chú trọng sử dụng các biện pháp kinh tế, văn hóa, xã hội... bằng cách sử dụng các đoàn cán bộ xây dựng nông thôn theo sau lực lượng quân sự để thực hiện các nhiệm vụ dân sự vụ, từ thăm vấn, thanh lọc dân chúng, tìm kiếm cơ sở cách mạng, điều tra cán bộ nằm vùng, xây dựng trường học, cầu cống,... Đội ngũ cán bộ xây dựng nông thôn được trang bị cơ bản kiến thức, kỹ năng về giáo dục, y tế, hành chính, công trình công cộng, tâm lý, nông nghiệp. Mục đích của các hoạt động dân sự nhằm tuyên truyền, mị dân về chính sách của chính quyền Sài Gòn cũng như ưu thế của chủ nghĩa tư bản Mỹ. Thực tế, hoạt động bảo đảm an ninh không được thực hiện đầy đủ, khiến hoạt động phát triển tân sinh hoạt không diễn ra theo dự trù, dẫn đến Kế hoạch Hợp tác đơn thuần vẫn chỉ là các hành quân đánh phá, can quét thông thường.

Tại Long An, chính quyền Sài Gòn tiếp tục thực hiện âm mưu xây dựng địa bàn này thành một “mắt xích” quan trọng trong vành đai bảo vệ Sài Gòn từ phía tây và phía nam. Sư đoàn 25 bộ binh quân đội Sài Gòn tập trung bình định thị xã Tân An (khu vực A), cùng nhiều vị trí quan trọng ở Bến Lức, Cần Giuộc, Cần Đước, Tân Trụ, thiết lập căn cứ, tổ chức các cuộc hành quân trong tỉnh. Với quân số đông, hỏa lực mạnh, quân đội Sài Gòn cũng đạt được một vài tiến triển, song, không đủ sức duy trì kết quả và cuối cùng bị thụt lùi, dẫn đến thất bại, “Sư đoàn 25 nguy chẳng những mất khả năng tiến công mà còn không giữ nổi các vị trí nó chiếm đóng” (Trần Văn Giàu, 1988: 244). Với thiệt hại nặng về quân số, vũ khí trang bị, Trung đoàn 50 của Sư đoàn 25 là minh chứng cụ thể về sự yếu kém của quân đội Sài Gòn trong công tác bảo đảm an ninh cho chương trình bình định, đẩy đơn vị này vào tình trạng “đến tháng 6 năm 1965, vẫn chưa phục hồi” (Jeffrey Race, 1973: 137).

Một trong những trọng điểm của Kế hoạch Hợp tác, ở Hậu Nghĩa, Trung đoàn 43 và Trung đoàn 49 thuộc Sư đoàn 25 bộ binh quân đội Sài Gòn tăng cường các cuộc hành quân xung quanh khu vực Bàu Trai, huyện lỵ Đức Hòa, Đức Lập,... Phối hợp với Sư đoàn 25, Sư đoàn 5 bộ binh cũng tổ chức nhiều cuộc hành quân quy mô lớn vào Củ Chi. Tiêu biểu, cuộc hành quân Lôi Phong với trận đánh diễn ra ác liệt tại Phú Hòa Đông (09/5/1965). Trước đòn phản công quyết liệt của Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam, Sư đoàn 5 bộ binh gặp tổn thất nặng nề. Vào tháng 12, năm 1965, Tiểu đoàn 2, Trung đoàn 49 bộ binh tổ chức hành quân táo thanh nhưng bị Quân Giải phóng phục kích, thiệt hại 22 lính Sài Gòn (gồm cả tiểu đoàn trưởng), 3 cố vấn Mỹ, thu 20 vũ khí, 2 máy vô tuyến (Military History Branch, 1966: 226).

Trên địa bàn Bình Dương, MACV và Bộ Tổng Tư lệnh quân đội Sài Gòn thống tập trung lực lượng bình định những vùng “mất kiểm soát”. Ngày 18 tháng 6 năm 1965, Mỹ sử dụng máy bay B.52 ném bom các khu vực thuộc chủ quyền của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ở huyện Bến Cát. Đây là lần đầu tiên, Mỹ sử dụng máy bay B.52 trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Sau các cuộc ném bom, liên quân Mỹ - quân đội Sài Gòn mở các cuộc hành quân bảo đảm an ninh trên địa bàn tỉnh. Ngày 08 tháng 7 năm 1965, Quân Giải phóng tấn công đồn Xóm Dừa. Trước tình hình đó, Tiểu đoàn 2 Sư đoàn 9 bộ binh quân đội Sài Gòn tổ chức cứu viện lực lượng đồn trú, nhưng bị Quân Giải phóng phục kích, đánh thiệt hại, làm chết 103 quân, bị thương 26 quân, mất tích 79 người, thu 115 súng và 16 máy truyền tin (Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam cộng hòa: 9). Tiếp đó, ngày 14 tháng 9 năm 1965, Khu 32 Chiến thuật phối hợp với quân đội Mỹ và quân đội Australia tổ chức cuộc càn Hùng vương 9 đánh vào khu vực Bến Cát, khai thông đường 13. Gắn liền với càn quét, hoạt động gom dân, lập ấp diễn ra rầm rộ... Từ ngày 01 đến ngày 27 tháng 11 năm 1965, Khu 32 Chiến thuật phối hợp với Lữ đoàn 3/Sư đoàn 1 tổ chức chiến dịch Bravo tại khu vực Dầu Tiếng, Bến Cát với các cuộc hành quân Xây dựng 10, 11, 12 gây thiệt hại cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, với 685 quân bị chết, bắt 6 người, thu 104 súng, 2 máy truyền tin, phá hủy 200 vũ khí, thu 47 tấn gạo (Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam cộng hòa: 10). Tuy nhiên, trong chiến dịch này, Mỹ và quân đội Sài Gòn cũng bị thiệt hại nặng nề, trong đó quân Mỹ: có 258 quân bị chết, 347 người bị thương, 126 người mất tích, bị mất 335 súng, 19 máy truyền tin, bị phá hủy 8 xe M.113 (Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam cộng hòa: 10). Từ ngày 28 tháng 11 đến ngày 09 tháng 12 năm 1965, Sư đoàn 1 bộ binh Mỹ tổ chức cuộc hành quân Bushmaster ở Dầu Tiếng, chú trọng yểm trợ bình định, kiểm soát dân chúng và tài nguyên.

Tại Biên Hòa, tháng 8 năm 1965, MACV sử dụng Lữ đoàn dù 173 tổ chức càn quét, ủi phá vùng phía tây và tây bắc, thuộc địa bàn Vĩnh Cửu nhằm mở rộng vành đai an ninh. Phối hợp với quân Mỹ, quân đội Sài Gòn tổ chức càn quét, ném bom vào xã Trị An, dồn hơn 300 hộ dân vào các ấp tân sinh ở Bình Ý, Bình Phước, Bình Hòa. Đầu tháng 11 năm 1965, Lữ đoàn dù 173 được sự hỗ trợ hỏa lực của quân đội New Zealand đã mở cuộc hành quân càn quét Hump vào vùng tây nam Hiếu Liêm thu được một số kết quả.

Tại khu vực giáp ranh Long Khánh - Bình Tuy, từ ngày 24 tháng 11 đến ngày 17 tháng 12 năm 1965, Vùng III chiến thuật phối hợp với Lữ đoàn 173 dù quân đội Mỹ mở cuộc hành quân Hùng Vương 12 và New Life 65 nhằm mục đích tảo thanh, yểm trợ gom dân, kiểm soát tài nguyên. Với lực lượng đông, được chuẩn bị kỹ, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã thu được kết quả về phương diện dân sự vụ, gom 13.736 dân, thu 1.244 tấn lúa (Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam cộng hòa: 10).

Về phía cách mạng miền Nam, trên cơ sở quán triệt tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Trung ương Cục miền Nam tiếp tục xác định chống phá bình định là một trong những công tác trọng tâm hàng đầu. Nhờ vậy, phong trào đấu tranh chống phá bình định của quân và dân miền Nam tiếp tục được củng cố vững chắc. Tại các tỉnh xung quanh Sài Gòn, các cuộc tiến công liên tiếp của quân và dân Long An buộc các đơn vị chủ lực của quân đội Sài Gòn phải co cụm trong căn cứ ở Tân An, Bến Lức, Cần Giuộc, trong khi đó, quân và dân Hậu Nghĩa lại giành chiến thắng vang dội ở Đức Hoà, Đức Huệ. Tại Bình Dương, phong trào đấu tranh chống phá áp chiến lược diễn ra mạnh mẽ ở Bến Cát, Lái Thiêu, Tân Uyên,... Những thắng lợi quan trọng đó là một trong những cơ sở để Bộ chỉ huy Miền quyết định tập trung xây dựng, phát triển lực lượng chủ lực; tổ chức thắng lợi một số trận đánh/chiến dịch như: An Lão (12/1964), Bình Giã (12/1964-1/1965), Đồng Xoài (5-7/1965),...

Đầu năm 1966, để đối phó với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng miền Nam, chính quyền Mỹ điều chỉnh chủ trương cân bằng giữa hoạt động bình định với chiến lược quân sự, chú trọng xây dựng khu vực ưu tiên quốc gia, khu vực ưu tiên vùng chiến thuật trên khắp 4 vùng chiến thuật bằng hành động thực chất và nguồn lực tập trung. Trong hoàn cảnh đó, Ủy ban đặc trách

Kế hoạch Hợp tác không còn phù hợp với đường lối bình định quốc gia của chính quyền Sài Gòn và buộc phải giải tán. Điều này có nghĩa mô hình Kế hoạch Hợp tác cũng chấm dứt thử nghiệm. Tư lệnh MACV, Đại tướng William C. Westmoreland đã “loại bỏ Hợp Tác một cách gọn gàng và lặng lẽ” (The Senator Gravel Edition, 1971: 526). Phái bộ Mỹ “nhanh chóng lãng quên hoặc không bao giờ rút ra những bài học từ Hợp tác” (The Senator Gravel Edition, 1971: 527).

4. Kết luận

Cùng với quá trình xây dựng chiến lược quân sự, dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Lyndon B. Johnson, Phái bộ Mỹ ở Sài Gòn cũng nhanh chóng thử nghiệm mô hình bình định mang màu sắc Mỹ - Kế hoạch Hợp tác. Đặt trong bối cảnh những năm 1964-1965, Kế hoạch Hợp tác có ý nghĩa thử nghiệm về giá trị của chương trình bình định và các hoạt động phi quân sự trong chiến lược tổng thể của Mỹ ở Việt Nam. Đồng thời, “đây là một trong những chương trình lớn đầu tiên mà Mỹ công khai xác định” (The Senator Gravel Edition, 1971: 524) nhằm củng cố và khẳng định vai trò chỉ đạo đối với chính quyền, quân đội Sài Gòn trên tất cả các phương diện của cuộc chiến tranh cũng như thể hiện quyết tâm áp đặt âm mưu xâm lược và cai trị thực dân mới lên miền Nam Việt Nam, bất chấp chế độ Ngô Đình Diệm và Quốc sách ấp Chiến lược bị thất bại.

Dựa theo nguyên tắc “vết dầu loang”, Kế hoạch Hợp tác mở rộng khu vực bình định theo từng giai đoạn, mục tiêu cụ thể, thể hiện nỗ lực quân sự - dân sự đặc biệt giữa Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Điểm khác biệt với các chương trình bình định trước là nỗ lực gắn kết các địa phương trong một kế hoạch chung, cụ thể, trong đó, mỗi địa phương lại xác định một điểm lõi để mở rộng chương trình bình trên toàn tỉnh, phản ánh mức độ đồng bộ trên bề rộng lẫn tập trung trong chiều sâu trong kế hoạch từng địa phương cũng như trên toàn khu vực. Nội dung của Kế hoạch gồm nhiều hoạt động, song, tập trung vào biện pháp quân sự, phản ánh sự chênh lệch, thiếu đồng bộ trong giải pháp thực hiện. Việc tập trung nguồn lực không đồng đều vào các khu vực ưu tiên quanh Sài Gòn đã ảnh hưởng đến tiến độ mở rộng “vết dầu loang” theo mọi hướng trong cùng thời gian. Bên cạnh đó, hướng dẫn của Phái bộ Mỹ thiếu chi tiết nên quy trình xây dựng và thực hiện chương trình bình định chưa được tổ chức bài bản, đúng kế hoạch. Kết quả của Kế hoạch Hợp tác khiến đội ngũ thừa hành của chính quyền Mỹ ở Việt Nam phải thừa nhận: “Việc chuyển lý thuyết chống nổi dậy thành thực tiễn, tưởng đơn giản nhưng lại vô cùng khó khăn” (The Senator Gravel Edition, 1971: 482). Nói chung, “Hợp tác, với tư cách là một chương trình, dường như không tồn tại như một hoạt động thống nhất và có ý nghĩa” (The Senator Gravel Edition, 1971: 523).

Sự ra đời của Kế hoạch Hợp tác đã thu hút sự chú ý, nguồn lực, dân đẩy kế hoạch bình định quốc gia của chính quyền, quân đội Sài Gòn vào tình trạng đình trệ trên cả giấy tờ lẫn thực tế dẫn đến mâu thuẫn giữa Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Đó là sự công kích của chính quyền Sài Gòn về cơ cấu tổ chức của Ủy ban đặc trách Kế hoạch Hợp tác đã chồng lấn vào tổ chức biên chế của chính quyền Sài Gòn. Ủy ban đặc trách Kế hoạch Hợp tác nằm trong trụ sở của Bộ Tổng Tham mưu quân đội Sài Gòn, nhưng “chính quyền Sài Gòn hầu như không có thẩm quyền hoặc ảnh hưởng. Dường như, thiết kế này chủ yếu thỏa mãn người Mỹ” (The Senator Gravel Edition, 1971: 521). Trước thái độ của chính quyền Sài Gòn, Phái bộ Mỹ đã chỉ trích “lý do quan trọng nhất dẫn đến thất bại của Hợp tác là sự thiếu ủng hộ của chính quyền Sài Gòn” (The Senator Gravel Edition, 1971: 483). Từ đó, Phái bộ Mỹ khẳng định: Việc điều khiển chính quyền, quân đội Sài Gòn tuân theo chỉ đạo của Mỹ sẽ không giành được kết quả nếu chỉ bằng nỗ lực cô vắn theo lộ trình được quyết định mà còn phải được thực hiện bằng những đòn bẩy khác. Kết luận này là một trong những cơ sở mở đường cho chính quyền Mỹ quyết định mở rộng nâng cấp chương trình bình định miền Nam. Tuy nhiên, “nước Mỹ không có đủ khả năng để gánh vác tất cả các chương trình chính trị, kinh tế, xã hội ở miền Nam Việt Nam nhằm đáp ứng cho nhu cầu triển khai quân vào năm 1966, cũng như cho công tác bình định” (Thomas L. Ahern Jr., 2010: 181).

Những biến động trong nội bộ chính quyền, quân đội Sài Gòn tiếp tục diễn ra đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động tổ chức, triển khai chương trình bình định. Chỉ trong vòng hơn 1 năm đội ngũ lãnh đạo của chính quyền trung ương Sài Gòn đã thay đổi đến 3 lần, trong khi đó,

tại cấp địa phương, 28/31 quận trưởng đã buộc bị thôi việc (The Senator Gravel Edition, 1971: 483). Bên cạnh đó, phong trào đấu tranh chống phá bình định của quân và dân miền Nam tiếp tục phát triển, trực tiếp làm thất bại kế hoạch Hợp tác. Cuối năm 1965, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã xác lập quyền làm chủ trên 44% diện tích đất đai thuộc khu vực Hợp tác (Military History Branch, 1966: 232). Những biện pháp mà chính quyền cách mạng thực hiện khiến chương trình bình định gặp nhiều tổn thất nghiêm trọng, góp phần đẩy Mỹ và chính quyền Sài Gòn vào tình thế bị động trong những năm tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

Ban Thường vụ Ủy ban bình định trung ương. *Tài liệu áp Tân sinh nhân dịp ông Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ McNamara tới ngày 12 tháng 5 năm 1964*. Hồ sơ số 130, Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975). Lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự. (1991). *Cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Việt Nam*. Hà Nội.

Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự. (2015). *Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*. t.II (1961-1965). Nxb. Quân đội nhân dân.

Bộ Tổng Tham mưu Quân lực Việt Nam cộng hòa, *Tổng kết hoạt động hành quân trong năm 1965*, ngày 15 tháng 1 năm 1966. Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975). Hồ sơ số 15529. Lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Bộ Tổng Tư lệnh Quân lực Việt Nam cộng hòa. *Sự vụ Văn thư về Ủy ban Đặc trách Kế hoạch Hợp tác*. ngày 21 tháng 10 năm 1964, Hồ sơ 15070, Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

Chester L. Cooper. (1972). *The American experience with pacification in Vietnam*. Virginia.

Graham A. Cosmas. (2006). *MACV - The Joint Command in the Years of Escalation 1962-1967*. Washington, D.C.

Jeffrey Race. (1973). *War comes to Long An - Revolutionary conflict in a Vietnamese province*. University of California Press, London, England.

John P. Glennon. (1991). *Foreign Relations of the United States, 1961-1963*. Volume IV: Vietnam (August - December 1963). United States Government Printing Office, Washington.

Lâm Vĩnh Thế. (2010). *Việt Nam Cộng hòa 1963-1967: Những năm xáo trộn*. Hoài Việt, Hamilton, Ontario, Canada.

Military History Branch, Office of the Secretary, Joint Staff, Hq MACV. (1966). *Command History 1965*. San Francisco, California.

Office of Joint History - Office of the Chairman of the Joint Chiefs of Staff. (2012). *The Joint Chiefs of Staff and the War in Vietnam, 1960-1968*, Part 2. Washington, D.C..

Paul Supplizio. (1966). *A Study of the Military Support of Pacification in South Vietnam, April 1964 - April 1965*. Master's thesis, Command and General Staff College, Kansas.

Richard A. Hunt. (1995). *Pacification - The American Struggle for Vietnam's Hearts and Minds*. Westview Press, Colorado.

The Senator Gravel Edition. (1971). *The Pentagon Papers - The Defense Department History of United States Decisionmaking on Vietnam*. Beacon Press, Boston.

Thomas L. Ahern Jr.. (2010). *Vietnam Declassified: The CIA and Counterinsurgency*. The University Press of Kentucky, Kentucky, USA, 2010.

Tran Dinh Tho. (1980). *Pacification*. US. Army center of Military History, Washington, D.C..

Trần Văn Giàu. (1988). *Long An - 21 năm đánh Mỹ*. Nxb. Long An.

Ủy ban bình định trung ương. *Sự vụ văn thư số 0680/BĐTƯ/TTK/TV/CT/M ngày 21 tháng 10 năm 1964 về việc thiết lập kế hoạch bình định và phát triển tân sinh hoạt cho năm 1965*. Hồ sơ số 227, Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa (1954-1975), Lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Ủy ban đặc trách kế hoạch Hợp tác I. (1965). *Cẩm nang Hợp tác I*. Hồ sơ số 15226. Phòng Phủ Thủ tướng Việt Nam cộng hòa (1954-1975). Lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.

William C. Westmoreland. (1976). *A Soldier Reports*. Doubleday, New York.